

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

37. [GIẢI] ĐỀ THI THỬ TNTHPT NĂM 2026 SỞ GD BẮC NINH - ĐỀ LẺ

BẢNG TỪ VỰNG							
STT	Từ vựng/ Từ loại Phiên âm	Nghĩa	Ví dụ	Cấp độ	Họ từ	Từ đồng nghĩa/ trái nghĩa	Cụm từ liên quan
1	accountability (n) /əˌkaʊntəˈbɪləti/	trách nhiệm giải trình	In group projects, clear rules about accountability help prevent situations where some students rely on others to do all the work. Trong các dự án nhóm, những quy định rõ ràng về trách nhiệm giải trình giúp ngăn chặn tình trạng một số học sinh dựa dẫm vào người khác để làm hết mọi việc.	C1	accountable (adj): có trách nhiệm		accountability for something: trách nhiệm giải trình đối với điều gì accountability (of somebody) (to somebody): trách nhiệm (của ai đó) (với ai đó)
2	adept (adj) /əˈdept/	thành thạo, giỏi	Teenagers today are often adept at using digital tools, even if they do not fully understand their long-term effects. Thanh thiếu niên ngày nay thường rất thành thạo trong việc sử dụng công cụ số, dù các em chưa hiểu hết tác động lâu dài của chúng.	C1	adeptly (adv): một cách thành thạo	Đồng nghĩa: skilled Trái nghĩa: inept	adept at/in something: giỏi về điều gì adept at/in doing something: thành thạo trong việc làm điều gì đó
3	boycott (n)	sự tẩy chay	The public boycott of the brand spread quickly after the company was accused of	B2	boycott (v): tẩy chay		boycott of something:

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

	/'boɪkɒt/		<p>unethical advertising.</p> <p>Cuộc tẩy chay công ty lan rộng nhanh chóng sau khi thương hiệu bị cáo buộc quảng cáo phi đạo đức.</p>				tẩy chay cái gì đó
4	<p>brain rot (n)</p> <p>/'breɪn rɒt/</p>	sự thối não (do tiêu thụ nội dung kém chất lượng)	<p>Many parents worry that endless short videos may cause brain rot and reduce teenagers' ability to concentrate on schoolwork.</p> <p>Nhiều phụ huynh lo rằng video ngắn vô tận có thể gây thối não và làm giảm khả năng tập trung học tập của học sinh.</p>	C2			
5	<p>cancel culture (n)</p> <p>/'kænsəl 'kʌltʃə(r)/</p>	văn hóa tẩy chay	<p>Cancel culture has sparked debate about whether people should be permanently punished for past mistakes made online.</p> <p>Văn hóa tẩy chay đã làm dấy lên tranh luận về việc liệu con người có nên bị trừng phạt vĩnh viễn vì những sai lầm trong quá khứ trên mạng hay không.</p>	C1			

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

6	coin (v) /kɔɪn/	tạo ra (từ, thuật ngữ)	The term “doomscrolling” was coined to describe the habit of endlessly reading negative news online. Thuật ngữ “lướt tin tiêu cực” được tạo ra để mô tả thói quen đọc tin xấu không ngừng trên mạng.	C1	coinage (n): từ mới; quá trình tạo ra từ mới		
7	condemnation (n) /ˌkɒndemˈneɪʃn/	sự lên án	The influencer faced widespread condemnation after promoting harmful health advice to young followers. Người có sức ảnh hưởng đó phải đối mặt với sự lên án mạnh mẽ vì quảng bá lời khuyên sức khỏe có hại cho giới trẻ.	C1	condemn (v): lên án	Đồng nghĩa: censure	condemnation of somebody/something : sự lên án ai/cái gì đó
8	contemporary (adj) /kənˈtempərəri/	đương đại	Contemporary music often reflects social issues such as identity, technology, and mental health. Âm nhạc đương đại thường phản ánh các vấn đề xã hội như bản sắc, công nghệ và sức khỏe tinh thần.	C1	Contemporaneous (adj): đương thời contemporary (n): người cùng thời contemporaneously (adv): đồng thời	Đồng nghĩa: modern	contemporary society: xã hội đương đại
9	deterioration (n)	sự suy giảm	Teachers have noticed a deterioration in students’	C1	deteriorate (v): suy		deterioration in

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

	/dɪˌtɪərɪəˈreɪʃn/		writing skills due to overreliance on autocorrect tools. Giáo viên nhận thấy sự suy giảm kỹ năng viết của học sinh do quá phụ thuộc vào công cụ tự sửa lỗi.		giảm		something: sự suy giảm trong điều gì deterioration into something: sự suy giảm thành cái gì đó
10	disproportionate (adj) /ˌdɪsprəˈpɔːʃənət/	không tương xứng	Online criticism often feels disproportionate to the actual mistake, especially for teenagers. Sự chỉ trích trên mạng thường không tương xứng với lỗi lầm thực tế, đặc biệt đối với thanh thiếu niên.	C1	disproportionately (adv): một cách không cân xứng disproportion (n): sự mất cân xứng		disproportionate to something: không tương xứng với điều gì đó
11	occupancy (n) /ˈɒkjəpənsi/	việc sử dụng, mức độ sử dụng	The apartment has a maximum occupancy of four people, so only four residents are allowed to live there at the same time. Căn hộ này có mức sử dụng tối đa là bốn người, vì vậy chỉ bốn cư dân được phép sinh sống ở đó cùng một lúc.	B2	occupy (v): sử dụng, chiếm occupied (adj): đang được sử dụng, có người ở		double/single occupancy: phòng đôi/phòng đơn occupancy rates: tỷ lệ lấp đầy
12	dynamic (n) /daɪˈnæmɪk/	sự tương tác	The classroom dynamic changed when students were encouraged to share opinions more openly.	C1			group dynamic: sự tương tác nhóm interpersonal dynamic:

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

			Sự tương tác trong lớp học đã thay đổi khi học sinh được khuyến khích chia sẻ ý kiến cởi mở hơn.				sự tương tác giữa các cá nhân
13	flexible (adj) /'fleksəbl/	linh hoạt	Schools need flexible learning methods to support students with different learning styles. Trường học cần phương pháp học tập linh hoạt để hỗ trợ học sinh có phong cách học khác nhau.	B2	inflexible (adj): không linh hoạt flexibility (n): tính linh hoạt inflexibility (n): tính không linh hoạt flexibly (adv): một cách linh hoạt inflexibly (adv): một cách không linh hoạt	Đồng nghĩa: adaptable Trái nghĩa: inflexible	flexible about something: linh hoạt trong việc gì đó flexible working hours: thời gian làm việc linh hoạt
14	implicit (adj) /ɪm'plɪsɪt/	ngầm hiểu	There was an implicit expectation that students would check messages even outside school hours. Có một kỳ vọng ngầm rằng học sinh sẽ kiểm tra tin nhắn ngay cả ngoài giờ học.	C1	implicitly (adv): một cách ngầm hiểu	Đồng nghĩa: implied Trái nghĩa: explicit	implicit (in something): ngầm hiểu (trong một điều gì đó)
15	incremental (adj) /ɪŋkrə'mentl/	tăng dần	Small, incremental improvements in study habits can lead to long-term academic success. Những cải thiện nhỏ và tăng dần trong thói quen học tập có thể dẫn đến thành công	C1	incrementally (adv): tăng dần increment (n): sự gia tăng		incremental change/improvements: thay đổi/cải tiến tăng dần

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

			lâu dài.				
16	interplay (n) /'ɪntəpleɪ/	sự tác động qua lại	The interplay between technology and mental health is a growing concern among educators. Sự tác động qua lại giữa công nghệ và sức khỏe tinh thần đang là mối quan tâm ngày càng lớn.	C1		Đồng nghĩa: interaction	interplay of/between A and B: sự tương tác của/giữa A và B
17	literacy (n) /'lɪtərəsi/	kiến thức, sự hiểu biết	Digital literacy is essential for children growing up with AI. Kiến thức số là thiết yếu cho trẻ em lớn lên cùng AI.	C1	literate (adj): có biết hiểu illiteracy (n): sự thiếu kiến thức illiterate (adj): thiếu kiến thức	Trái nghĩa: illiteracy	financial/health literacy: kiến thức về tài chính/sức khỏe digital/media literacy: hiểu biết về kỹ thuật số/truyền thông
18	mitigate (v) /'mɪtɪgeɪt/	giảm nhẹ	Schools try to mitigate stress by reducing unnecessary academic pressure. Trường học cố gắng giảm nhẹ căng thẳng bằng cách giảm áp lực học tập không cần thiết.	C1	mitigation (n): sự giảm nhẹ	Đồng nghĩa: alleviate Trái nghĩa: aggravate	mitigate damage/risk: giảm thiểu thiệt hại/rủ ro mitigate the effects/impact of something: giảm thiểu tác động/ảnh hưởng của điều gì đó
19	outweigh (v) /ˌaʊt'weɪ/	lấn át, vượt trội hơn	The benefits of online learning often outweigh the disadvantages when used responsibly.	C1			be outweighed by something: bị lấn át bởi điều gì đó outweigh the risks/benefits/consid

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

			Lợi ích của học trực tuyến thường vượt trội hơn bất lợi nếu được sử dụng một cách có trách nhiệm.				erations: lần át những rủi ro/lợi ích/yếu tố cần cân nhắc
20	polarization (n) /ˌpɒləraɪˈzeɪʃn/	sự phân cực	Social media algorithms can increase polarization by showing users only one viewpoint. Các thuật toán mạng xã hội có thể làm gia tăng sự phân cực bằng cách chỉ hiển thị cho người dùng một quan điểm duy nhất.	C1	polarize (v): làm phân cực		
21	responsive (adj) /rɪˈspɒnsɪv/	phản hồi nhanh	The most effective IT function is one that is responsive to the needs of the business it serves. Bộ phận công nghệ thông tin hiệu quả nhất là bộ phận phản hồi nhanh và linh hoạt trước các nhu cầu của doanh nghiệp mà nó phục vụ.	B2	respond (v): phản hồi, phản ứng responsively (adv): phản hồi nhanh chóng, tích cực responsiveness (n): khả năng phản ứng nhanh chóng	Đồng nghĩa: attentive Trái nghĩa: unresponsive	responsive to somebody/something : phản hồi nhanh với ai/điều gì đó
22	simplistic (adj) /sɪmˈplɪstɪk/	quá đơn giản, đơn giản hóa quá mức	Saying that students fail simply because they are lazy is a simplistic explanation that ignores factors like stress, family pressure, and mental health.	C1	simplistically (adv): một cách đơn giản hóa quá mức simplify (v): đơn giản hóa simple (adj): đơn giản		a simplistic approach/view/solution: một cách tiếp cận/quan điểm/giải pháp quá đơn giản

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

			Nói rằng học sinh thất bại chỉ vì các em lười biếng là một cách giải thích quá đơn giản, bỏ qua những yếu tố như căng thẳng, áp lực gia đình và sức khỏe tinh thần.		simplicity (n): sự đơn giản		
23	specialty (n) /'speʃəlti/	đặc sản	This shop is known for its local speciality, which is made using traditional methods passed down through generations. Cửa hàng này nổi tiếng với một đặc sản địa phương, được làm theo phương pháp truyền thống truyền qua nhiều thế hệ.	C1		Đồng nghĩa: speciality	
24	temper (v) /'tempə(r)/	làm dịu, làm cho bớt gay gắt	Parents should temper criticism with encouragement to protect teenagers' confidence. Phụ huynh nên làm dịu lời chỉ trích bằng sự động viên để bảo vệ sự tự tin của thanh thiếu niên.	C1	temperate (adj): ôn hòa		be tempered with something: được làm dịu bằng điều gì đó be tempered by something: được làm dịu bởi điều gì đó
25	trivial (adj) /'trɪvɪəl/	tầm thường, nhỏ nhặt	Arguing over trivial online comments can waste time and harm mental health. Tranh cãi về những bình luận	C1	triviality (n): sự tầm thường, chuyện vặt vãnh	Đồng nghĩa: insignificant, unimportant Trái nghĩa:	a trivial matter/detail: một vấn đề/chi tiết nhỏ nhặt

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

			nhỏ nhất trên mạng có thể lãng phí thời gian và gây hại cho sức khỏe tinh thần.			significant, important	
--	--	--	---	--	--	---------------------------	--

BẢNG CẤU TRÚC

STT	Cấu trúc	Nghĩa
1	access to	quyền / khả năng tiếp cận
2	adapt to	thích nghi với
3	allow somebody to do something	cho phép ai đó làm gì
4	confronted with	đối mặt với
5	contribute to	đóng góp, góp phần vào
6	do without	sống / tiếp tục mà không có
7	encourage somebody to do something	khuyến khích ai đó làm gì
8	exposure to	sự tiếp xúc với
9	focus on	tập trung vào
10	get over	vượt qua (khó khăn, cảm xúc tiêu cực)
11	give up	từ bỏ, bỏ cuộc
12	grapple with something	vật lộn với, cố gắng giải quyết
13	hold somebody accountable for something	buộc ai chịu trách nhiệm về việc gì
14	lead to	dẫn đến
15	look forward to doing something	mong chờ làm gì
16	originate from	bắt nguồn từ

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

17	play a crucial role	đóng vai trò then chốt
18	refer to	đề cập đến
19	rely on	dựa vào
20	result in	gây ra, dẫn đến
21	sign up for	đăng ký tham gia
22	strike a balance	đạt được sự cân bằng
23	suffer from	chịu đựng, mắc phải
24	take care of	chăm sóc
25	take responsibility for doing something	chịu trách nhiệm làm gì
26	take up	bắt đầu (một hoạt động / sở thích)

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

ĐÁP ÁN CHI TIẾT

Question 1:

DỊCH BÀI:	
<p>According to Dr. Paul Desan of Yale University's Winter Depression Research Clinic, light therapy is the primary treatment for Seasonal Affective Disorder (SAD). This therapy utilizes devices that emit light approximately 20 times brighter than standard indoor lighting, measured at about 10,000 lux. Research indicates that most patients experiencing dramatic improvements often do without medication when exposed to this bright light for 30 minutes every morning. This treatment is effective for both clinical SAD and less severe winter low moods.</p>	<p>Theo Tiến sĩ Paul Desan thuộc Phòng khám Nghiên cứu Trầm cảm Mùa đông của Đại học Yale, liệu pháp ánh sáng là phương pháp điều trị chính cho chứng rối loạn cảm xúc theo mùa (SAD). Liệu pháp này sử dụng các thiết bị phát ra ánh sáng mạnh gấp khoảng 20 lần so với ánh sáng trong nhà tiêu chuẩn, ở mức khoảng 10.000 lux. Nghiên cứu cho thấy hầu hết bệnh nhân có sự cải thiện rõ rệt thường không cần dùng thuốc khi tiếp xúc với ánh sáng mạnh này trong 30 phút vào mỗi buổi sáng. Phương pháp điều trị này có hiệu quả đối với cả chứng rối loạn cảm xúc theo mùa lâm sàng lẫn tình trạng cảm xúc đi xuống vào mùa đông ít nghiêm trọng hơn.</p>
<p>How to Use Light Therapy Effectively:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Select the Right Device: Choose a lamp specifically designed for SAD that produces 10,000 lux. • Timing: Use the light shortly after waking up in the morning because this is when the body is most responsive. • Positioning: Sit at the manufacturer's recommended distance, allowing light to reach your eyes indirectly without staring directly into the lamp. • Consistency: Maintain a daily routine of 30-minute sessions throughout the winter months. 	<p>Cách sử dụng liệu pháp ánh sáng hiệu quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chọn thiết bị phù hợp: Chọn loại đèn được thiết kế chuyên biệt cho hội chứng SAD tạo ra ánh sáng 10.000 lux. • Thời điểm: Sử dụng ánh sáng ngay sau khi thức dậy vào buổi sáng vì đây là lúc cơ thể phản ứng tốt nhất. • Vị trí: Ngồi đúng khoảng cách theo khuyến cáo của nhà sản xuất, để ánh sáng chiếu gián tiếp vào mắt mà không nhìn chằm chằm trực tiếp vào đèn. • Tính nhất quán: Duy trì thói quen sử dụng hằng ngày trong 30 phút suốt những tháng mùa đông.
<p>By following this daily routine, users can effectively manage symptoms of depression and low mood during the darker seasons.</p>	<p>Bằng cách tuân thủ thói quen hằng ngày này, người dùng có thể kiểm soát hiệu quả các triệu chứng của trầm cảm và tình trạng cảm xúc đi xuống trong những mùa tối tăm hơn.</p>

Question 1:

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ

- Đại từ quan hệ 'that' được dùng để thay thế danh từ chỉ vật 'devices' đóng vai trò làm chủ ngữ trong mệnh đề quan hệ.

Tạm dịch:

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

This therapy utilizes devices that emit light approximately 20 times brighter than standard indoor lighting, measured at about 10,000 lux. (Liệu pháp này sử dụng các thiết bị phát ra ánh sáng mạnh gấp khoảng 20 lần so với ánh sáng trong nhà tiêu chuẩn, ở mức khoảng 10.000 lux.)

→ Chọn đáp án C

Question 2:

Kiến thức: Cấp so sánh

- Cấu trúc so sánh với bội số:

+ S1 + to be + bội số + times as + tính từ + as + S2

+ S1 + to be + bội số + times + adj-er/more adj + than + S2

- Loại D vì sai ở 'brighter'.

Tạm dịch:

This therapy utilizes devices that emit light approximately 20 times brighter than standard indoor lighting, measured at about 10,000 lux. (Liệu pháp này sử dụng các thiết bị phát ra ánh sáng mạnh gấp khoảng 20 lần so với ánh sáng trong nhà tiêu chuẩn, ở mức khoảng 10.000 lux.)

→ Chọn đáp án C

Question 3:

Kiến thức: Cụm động từ

A. get over: vượt qua, hồi phục

B. work out: tìm ra, giải quyết, tập thể dục

C. do without: xoay xở, chịu đựng, sống mà không cần đến một thứ gì đó

D. take up: bắt đầu (một hoạt động), chiếm (thời gian/không gian)

Tạm dịch:

Research indicates that most patients experiencing dramatic improvements often do without medication when exposed to this bright light for 30 minutes every morning. (Nghiên cứu cho thấy hầu hết bệnh nhân có sự cải thiện rõ rệt thường không cần dùng thuốc khi tiếp xúc với ánh sáng mạnh này trong 30 phút vào mỗi buổi sáng.)

→ Chọn đáp án C

Question 4:

Kiến thức: Liên từ và trạng từ liên kết

A. because: bởi vì

B. although: mặc dù

C. due to: do, bởi vì

D. despite: mặc dù, bất chấp

Tạm dịch:

Timing: Use the light shortly after waking up in the morning because this is when the body is most responsive. (Thời điểm: Sử dụng ánh sáng ngay sau khi thức dậy vào buổi sáng vì đây là lúc cơ thể phản ứng tốt nhất.)

→ Chọn đáp án A

Question 5:

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Kiến thức: Danh động từ và động từ nguyên mẫu

- allow something to do something: cho phép cái gì đó làm gì

Tạm dịch:

Positioning: Sit at the manufacturer’s recommended distance, allowing light to reach your eyes indirectly without staring directly into the lamp. (Vị trí: Ngồi đúng khoảng cách theo khuyến cáo của nhà sản xuất, để ánh sáng chiếu gián tiếp vào mắt mà không nhìn chăm chăm trực tiếp vào đèn.)

→ Chọn đáp án B

Question 6:

Kiến thức: Từ vựng theo ngữ cảnh

- A. manage /'mænidʒ/ (v): quản lý, xoay xử, kiểm soát
- B. increase /In'kri:s/ (v): tăng lên
- C. endure /In'djʊə(r)/ (v): chịu đựng
- D. neglect /nɪ'glekt/ (v): bỏ bê

Tạm dịch:

By following this daily routine, users can effectively manage symptoms of depression and low mood during the darker seasons. (Bằng cách tuân thủ thói quen hằng ngày này, người dùng có thể kiểm soát hiệu quả các triệu chứng của trầm cảm và tình trạng cảm xúc đi xuống trong những mùa tối tăm hơn.)

→ Chọn đáp án A

Question 7:

DỊCH BÀI:	
Create Your Own Adventure	Tạo nên chuyến phiêu lưu của riêng bạn
Are you ready for an unforgettable trip but find that your friends just don’t have the time to join you? Don’t wait for others to be ready—make this journey your own and save big with our exclusive “Cruising Solo” program. In the cruise industry, cabins are typically designed for double occupancy, which often forces solo travelers to pay nearly the full cabin rate alone. We have changed that to ensure your dream destination is more affordable than ever.	Bạn đã sẵn sàng cho một chuyến đi không thể nào quên nhưng lại nhận thấy bạn bè mình đơn giản là không có thời gian đi cùng? Đừng chờ đợi người khác sẵn sàng — hãy biến chuyến đi này thành của riêng bạn và tiết kiệm đáng kể với chương trình “Cruising Solo” độc quyền của chúng tôi. Trong ngành du lịch tàu biển, các cabin thường được thiết kế cho hai người ở, điều này khiến du khách đi một mình thường phải trả gần như toàn bộ chi phí cabin. Chúng tôi đã thay đổi điều đó để đảm bảo điểm đến mơ ước của bạn trở nên phải chăng hơn bao giờ hết.
Our company offers a truly unique experience, providing the perfect environment to meet fantastic people from every corner of the world. Once on board, you will enjoy world-class entertainment, a relaxing spa, a fitness center, and even a court to play sports. If you are seeking thrills, you can visit our refreshing pools and exciting water parks.	Công ty chúng tôi mang đến một trải nghiệm thực sự độc đáo, tạo ra môi trường lý tưởng để bạn gặp gỡ những con người tuyệt vời từ khắp nơi trên thế giới. Khi lên tàu, bạn sẽ được tận hưởng các chương trình giải trí đẳng cấp quốc tế, khu spa thư giãn, trung tâm thể dục và thậm chí là sân chơi thể thao. Nếu bạn đang tìm kiếm cảm giác mạnh, bạn có thể ghé thăm những hồ bơi mát lạnh và công viên nước đầy thú vị.

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

What You Get:	Những gì bạn nhận được:
<ul style="list-style-type: none"> • Access to our full range of luxury pools, spas and gyms. 	<ul style="list-style-type: none"> • Quyền sử dụng toàn bộ hệ thống hồ bơi, spa và phòng gym cao cấp.
<ul style="list-style-type: none"> • Extended shore excursions designed for more in-depth exploring. 	<ul style="list-style-type: none"> • Các chuyến tham quan bờ biển kéo dài được thiết kế để khám phá sâu hơn.
<ul style="list-style-type: none"> • A wide variety of exciting themed parties every night. 	<ul style="list-style-type: none"> • Đa dạng các bữa tiệc theo chủ đề thú vị diễn ra hàng đêm.
<ul style="list-style-type: none"> • Access to a selection of specialty restaurants serving up authentic local flavors. 	<ul style="list-style-type: none"> • Dùng bữa tại các nhà hàng đặc sản phục vụ những món ăn mang hương vị địa phương chính gốc.
Contact us at +0 (123) 456 789 or visit our office at 445 W. Mount Eden Road, Anchorage, AK to book the cruise of your dreams.	Liên hệ với chúng tôi qua số +0 (123) 456 789 hoặc ghé văn phòng tại 445 W. Mount Eden Road, Anchorage, AK để đặt chuyến du thuyền trong mơ của bạn.

Question 7:

Kiến thức: Từ loại

- A. forgettable /fə'getəbl/ (adj): dễ bị quên
- B. forget /fə'get/ (v): quên
- C. forgetful /fə'getfl/ (adj): hay quên
- D. unforgettable /,ʌnfə'getəbl/ (adj): không thể quên

- Sau a/an và trước danh từ 'trip', ta cần một tính từ phù hợp về nghĩa, do vậy, ta chọn 'unforgettable'.

Tạm dịch:

Are you ready for an unforgettable trip but find that your friends just don't have the time to join you? (Bạn đã sẵn sàng cho một chuyến đi không thể nào quên nhưng lại nhận thấy bạn bè mình đơn giản là không có thời gian đi cùng?)

→ Chọn đáp án D

Question 8:

Kiến thức: Từ vựng theo ngữ cảnh

- A. assistance /ə'sɪstəns/ (n): sự hỗ trợ
- B. occupancy /'ɒkjəpənsi/ (n): sự chiếm chỗ, tỉ lệ lấp đầy
- C. residency /'rezɪdənsi/ (n): sự cư trú
- D. availability /ə'veɪlə'bɪlɪti/ (n): sự sẵn có

- double occupancy: phòng đôi, buồng/phòng cho 2 người thuê

Tạm dịch:

In the cruise industry, cabins are typically designed for double occupancy, which often forces solo travelers to pay nearly the full cabin rate alone. (Trong ngành du lịch tàu biển, các cabin thường được thiết kế cho hai người ở, điều này khiến du khách đi một mình thường phải trả gần như toàn bộ chi phí cabin.)

→ Chọn đáp án B

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Question 9:

Kiến thức: Từ vựng theo ngữ cảnh

- A. ordinary /'ɔ:di:nəri/ (adj): bình thường
- B. single /'siŋgl/ (adj): đơn lẻ
- C. unique /ju'ni:k/ (adj): độc đáo
- D. common /'kɒmən/ (adj): phổ biến

Tạm dịch:

Our company offers a truly unique experience, providing the perfect environment to meet fantastic people from every corner of the world. (Công ty chúng tôi mang đến một trải nghiệm thực sự độc đáo, tạo ra môi trường lý tưởng để bạn gặp gỡ những con người tuyệt vời từ khắp nơi trên thế giới.)

→ Chọn đáp án C

Question 10:

Kiến thức: Trật tự từ

- exciting /ɪk'saɪtɪŋ/ (adj): thú vị, hấp dẫn
- water /'wɔ:tə(r)/ (n): nước
- parks /pɑ:ks/ (n): công viên
- Ta có cụm danh từ 'water parks' (công viên nước) nên tính từ 'exciting' cần đứng trước cụm danh từ này để bổ nghĩa.

Tạm dịch:

If you are seeking thrills, you can visit our refreshing pools and exciting water parks. (Nếu bạn đang tìm kiếm cảm giác mạnh, bạn có thể ghé thăm những hồ bơi mát lạnh và công viên nước đầy thú vị.)

→ Chọn đáp án C

Question 11:

Kiến thức: Rút gọn mệnh đề quan hệ

- Vị trí trống cần dùng mệnh đề quan hệ hoặc rút gọn mệnh đề quan hệ để bổ nghĩa cho cụm danh từ 'Extended shore excursions'.
- Khi rút gọn mệnh đề quan hệ dạng bị động, ta lược bỏ đại từ quan hệ và to be (nếu có), giữ nguyên quá khứ phân từ (V3/ed) (which/that are designed → designed).

Tạm dịch:

Extended shore excursions designed for more in-depth exploring. (Các chuyến tham quan bờ biển kéo dài được thiết kế để khám phá sâu hơn.)

→ Chọn đáp án C

Question 12:

Kiến thức: Cụm từ chỉ lượng

- A. A wide variety of + N đếm được số nhiều: đa dạng, rất nhiều
- B. A great deal of + N không đếm được: một lượng lớn
- C. A large amount of + N không đếm được: rất nhiều
- D. A high degree of + N không đếm được: mức độ cao
- Ta có 'exciting themed parties' là danh từ đếm được số nhiều nên ta dùng 'A wide variety of'.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Tạm dịch:

A wide variety of exciting themed parties every night. (Đa dạng các bữa tiệc theo chủ đề thú vị diễn ra hàng đêm.)

→ Chọn đáp án A

Question 13:

Kiến thức: Sắp xếp đoạn hội thoại 5 câu	
DỊCH BÀI	
- Sarah: I think I'm going to sign up for a gym membership. I really want to work out more regularly.	- Sarah: Tôi nghĩ tôi sẽ đăng ký thẻ thành viên ở một phòng tập. Tôi thực sự muốn tập thể dục đều đặn hơn.
- Mike: That's a good idea. Staying active is important. Do you have a gym in mind?	- Mike: Ý tưởng hay đó. Duy trì vận động rất quan trọng. Cậu đã nghĩ đến phòng tập nào chưa?
- Sarah: Yes, there's one near my office that offers flexible hours.	- Sarah: Rồi, có một cái ở gần cơ quan tôi mà cung cấp giờ giấc linh hoạt.
- Mike: Perfect! It's always great to have a gym in a convenient location, especially when you're busy.	- Mike: Hoàn hảo! Thật tuyệt vời khi có một phòng tập ở một vị trí thuận tiện, nhất là khi cậu bận rộn.
- Sarah: Definitely. That way, I can go either before or after work, depending on my schedule.	- Sarah: Chắc chắn rồi. Như vậy, tôi có thể đi tập trước hoặc sau giờ làm việc, tùy thuộc vào lịch trình của tôi.
→ Chọn đáp án B	

Question 14:

Kiến thức: Sắp xếp đoạn văn	
DỊCH BÀI	
"Brain rot" refers to the supposed deterioration of mental or intellectual ability caused by prolonged exposure to trivial and unchallenging material. Originally coined in the nineteenth century by Henry David Thoreau, the term criticised society's preference for simplistic ideas over complex intellectual engagement. In the digital era, however, "brain rot" has been revived to describe both the spread of low-quality online content and its perceived harmful effects on cognition. The growing popularity of short-form videos, memes, and repetitive viral trends has intensified concerns about "brain rot" and the long-term consequences of excessive screen consumption. As a result, the	"Thối não" ám chỉ đến sự suy giảm khả năng tinh thần hoặc trí tuệ gây ra bởi sự tiếp xúc kéo dài với những tài liệu tầm thường và không có tính thử thách. Được đặt ra lần đầu tiên vào thế kỷ 19 bởi Henry David Thoreau, thuật ngữ này chỉ trích sự ưu tiên của xã hội đối với những ý tưởng đơn giản thay vì sự tương tác với trí tuệ phức tạp. Tuy nhiên, trong kỷ nguyên kỹ thuật số, "thối não" đã được hồi sinh để mô tả cả sự lan truyền của nội dung trực tuyến chất lượng thấp và những tác động có hại của nó mà người ta nhận thấy đối với khả năng nhận thức. Sự phổ biến ngày càng tăng của các video dạng ngắn, meme và các xu hướng lan truyền lặp đi lặp lại đã làm gia tăng mối lo ngại về "thối não" và hậu quả lâu

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

<p>phrase is no longer limited to casual online humour but has entered mainstream discussions, including journalism and mental-health debates.</p>	<p>dài của việc sử dụng màn hình quá mức. Kết quả là, cụm từ này không còn giới hạn ở sự hài hước thông thường trên mạng mà đã đi vào các cuộc thảo luận chính thống, bao gồm cả báo chí và các cuộc tranh luận về sức khỏe tinh thần.</p>
<p>→ Chọn đáp án B</p>	

Question 15:

<p>Kiến thức: Sắp xếp đoạn văn</p>	
<p>DỊCH BÀI</p>	
<p>A growing number of people today suffer from health problems linked to the overconsumption of cheap, mass-produced food, leading many to argue that fast food should be heavily taxed in order to encourage healthier choices. However, fast food also plays an important role in people's social lives, as its affordability and convenience make it a popular choice for teenagers to socialise and provide low-income families with small but meaningful pleasures that help maintain their quality of life. Moreover, many people argue that taxing fast food is not an effective solution, as consumption is influenced not only by sugar, salt and fat content, but also by other factors such as lack of exercise, poor portion control and individual eating habits. Despite these concerns, some believe that taxing fast food could push consumers toward healthier options and encourage producers to improve food quality, although resistance may arise from those who value a wider range of choices. Overall, the impact of raising fast-food taxes remains uncertain, since any potential benefits may be outweighed by the drawbacks, especially if people feel that the tax is unfair or if taxation alone fails to promote a healthier society.</p>	<p>Ngày nay, ngày càng nhiều người mắc các vấn đề sức khỏe liên quan đến việc tiêu thụ quá nhiều thực phẩm giá rẻ, sản xuất hàng loạt, dẫn đến nhiều người cho rằng nên đánh thuế nặng vào thức ăn nhanh để khuyến khích lựa chọn lành mạnh hơn. Tuy nhiên, thức ăn nhanh cũng đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội của mọi người, vì giá cả phải chăng và sự tiện lợi giúp nó trở thành lựa chọn phổ biến cho thanh thiếu niên giao lưu và mang lại những niềm vui nhỏ nhưng ý nghĩa cho các gia đình thu nhập thấp, giúp duy trì chất lượng cuộc sống của họ. Hơn nữa, nhiều người cho rằng việc đánh thuế thức ăn nhanh không phải là giải pháp hiệu quả, vì việc tiêu thụ không chỉ bị ảnh hưởng bởi hàm lượng đường, muối và chất béo, mà còn bởi các yếu tố khác như thiếu vận động, kiểm soát khẩu phần ăn kém và thói quen ăn uống cá nhân. Mặc dù có những lo ngại này, một số người tin rằng việc đánh thuế thức ăn nhanh có thể thúc đẩy người tiêu dùng lựa chọn những thực phẩm lành mạnh hơn và khuyến khích nhà sản xuất cải thiện chất lượng thực phẩm, mặc dù có thể gặp phải sự phản đối từ những người coi trọng sự đa dạng lựa chọn hơn. Nhìn chung, tác động của việc tăng thuế thức ăn nhanh vẫn chưa chắc chắn, vì bất kỳ lợi ích tiềm năng nào cũng có thể bị lấn át bởi những nhược điểm, đặc biệt nếu mọi người cảm thấy thuế không công bằng hoặc nếu chỉ riêng việc đánh thuế không đủ để thúc đẩy một xã hội khỏe mạnh hơn.</p>
<p>→ Chọn đáp án C</p>	

Question 16:

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Kiến thức: Sắp xếp lá thư	
DỊCH BÀI	
Dear Sir or Madam,	Kính gửi Ông/Bà,
I am writing to express my interest in the voluntary work placement at your animal sanctuary which was recently advertised on your website. I am eighteen years old and currently in my final year at secondary school, and I plan to study veterinary science at university, having already received two conditional offers. I have gained practical experience with animals through voluntary work at a local dogs' home, where I took responsibility for feeding, cleaning, and exercising the dogs. I also spend time on my uncle's farm during the year helping him take care of the animals, which has strengthened my decision to pursue a career working with animals. I am hard-working, punctual and highly committed, and I believe that a placement at your sanctuary will give me invaluable insight into animal care and help me develop essential skills.	Tôi viết thư này để bày tỏ sự quan tâm của mình đến vị trí tình nguyện viên tại trung tâm cứu hộ động vật của quý vị, vị trí này vừa được quảng cáo trên trang web gần đây. Tôi 18 tuổi và hiện đang học năm cuối cấp trung học, và tôi dự định theo học ngành thú y tại đại học, sau khi đã nhận được hai thư chấp nhận có điều kiện. Tôi đã có kinh nghiệm thực tế với động vật thông qua công việc tình nguyện tại một trại chó địa phương, nơi tôi chịu trách nhiệm cho việc cho ăn, dọn dẹp và cho chó vận động. Tôi cũng dành thời gian ở trang trại của chú tôi trong năm để giúp chú chăm sóc động vật, điều này càng củng cố quyết định theo đuổi sự nghiệp làm việc với động vật của tôi. Tôi là người chăm chỉ, đúng giờ và rất tận tâm, và tôi tin rằng một vị trí thực tập tại trung tâm cứu hộ của quý vị sẽ mang lại cho tôi những hiểu biết vô giá về chăm sóc động vật và giúp tôi phát triển các kỹ năng cần thiết.
I hope I have shown that I am an ideal candidate for this position and please find attached my CV.	Tôi hy vọng mình đã chứng minh được bản thân là một ứng viên lý tưởng cho vị trí này và xin vui lòng xem CV đính kèm.
I look forward to hearing from you.	Tôi rất mong nhận được phản hồi từ quý vị.
Yours faithfully, Emily Jones	Trân trọng, Emily Jones
→ Chọn đáp án B	

Question 17:

Kiến thức: Sắp xếp đoạn hội thoại 3 câu	
DỊCH BÀI:	
Alex: I'm so excited about the upcoming community clean-up event! Have you signed up yet?	Alex: Mình rất hào hứng với sự kiện dọn dẹp cộng đồng sắp tới! Bạn đã đăng ký chưa?
Emma: Yes, I signed up last week! It feels good to contribute to our neighborhood.	Emma: Rồi, mình đăng ký từ tuần trước rồi! Thật tuyệt khi được đóng góp cho khu phố của mình.
Alex: That's awesome! I think we'll make a real difference together.	Alex: Tuyệt vời quá! Mình nghĩ chúng ta sẽ cùng nhau tạo ra sự khác biệt thật sự.
→ Chọn đáp án C	

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Question 18:

DỊCH BÀI	
Do you have the right mindset?	Bạn có tư duy đúng đắn không?
Think back to a time when you were in a classroom, perhaps confronted with a challenging maths problem. This could have happened recently or many years ago. How did you respond? Some students feel immediately overwhelmed and give up, assuming the task is beyond their capacity. Others embrace the challenge, making an effort to tackle it and hoping to gain knowledge even if they do not succeed.	Hãy nhớ lại một lần bạn ở trong lớp học, có lẽ đối mặt với một bài toán khó. Điều này có thể xảy ra gần đây hoặc nhiều năm trước. Bạn đã phản ứng như thế nào? Một số học sinh cảm thấy choáng ngợp ngay lập tức và bỏ cuộc, cho rằng nhiệm vụ vượt quá khả năng của họ. Những người khác đón nhận thử thách, nỗ lực giải quyết nó và hy vọng thu được kiến thức ngay cả khi không thành công.
Early in her career, psychologist Carol Dweck at Stanford University conducted experiments with ten-year-old children, presenting problems slightly beyond their current abilities. One group responded positively, enjoying the challenge and demonstrating confidence in their capacity to develop. Dweck termed this a "growth mindset," focused on learning and future progress. Another group felt their intelligence was being judged, interpreting failure as a lack of ability. These children exhibited a "fixed mindset," struggling to envision improvement. Some even considered cheating or comparing themselves with weaker peers to protect their self-esteem. This observation highlights a broader issue in how students are guided and assessed in educational settings.	Ngay từ đầu sự nghiệp, nhà tâm lý học Carol Dweck tại Đại học Stanford đã thực hiện các thí nghiệm với trẻ mười tuổi bằng cách đưa ra những bài toán hơi khó hơn khả năng hiện tại của chúng. Một nhóm phản ứng rất tích cực, tận hưởng thử thách và thể hiện sự tự tin vào khả năng phát triển của bản thân. Dweck gọi đây là "tư duy phát triển" (growth mindset), tập trung vào việc học hỏi và tiến bộ trong tương lai. Nhóm còn lại cảm thấy trí thông minh của mình đang bị đánh giá, coi thất bại là do thiếu năng lực. Những đứa trẻ này biểu hiện một "tư duy cố định" (fixed mindset), gặp khó khăn trong việc hình dung sự cải thiện. Một số thậm chí còn tính đến chuyện gian lận hoặc so sánh mình với những bạn kém hơn để bảo vệ lòng tự trọng. Quan sát này làm nổi bật một vấn đề rộng lớn hơn trong cách học sinh được hướng dẫn và đánh giá trong môi trường giáo dục.
Dweck emphasizes that traditional praise for talent or intelligence can instill a fear of failure. Consequently, students often concentrate on grades rather than actual learning. She argues that recognition should instead highlight effort, strategies, persistence, and incremental improvement. Such an approach encourages mastery-oriented thinking and motivates learners to continually enhance their skills.	Dweck nhấn mạnh rằng những lời khen ngợi truyền thống dành cho tài năng hay trí thông minh có thể vô tình hình thành nỗi sợ thất bại. Hệ quả là, học sinh thường tập trung vào điểm số hơn là việc học thực sự. Bà lập luận rằng sự công nhận thay vào đó nên làm nổi bật sự nỗ lực, chiến lược, tính kiên trì và sự tiến bộ từng bước. Cách tiếp cận như vậy khuyến khích tư duy hướng tới sự thành thạo và thúc đẩy người học không ngừng nâng cao kỹ năng của mình.
Research confirms these insights. Students who were taught that grappling with difficult material strengthens neural connections advanced faster than their peers. In one study, underperforming	Nghiên cứu đã xác nhận những hiểu biết này. Học sinh được dạy rằng việc vật lộn với những tài liệu khó sẽ củng cố các kết nối thần kinh đã tiến bộ nhanh hơn so với các bạn cùng trang lứa. Trong một nghiên

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

<p>children on a Native American reservation practiced growth mindset techniques for a year, achieving top regional test scores and surpassing more privileged peers. Such evidence clearly demonstrates the practical benefits of adopting a growth mindset.</p>	<p>cứu, những đứa trẻ học kém ở khu bảo tồn người Mỹ bản địa đã thực hiện các phương pháp tư duy phát triển trong một năm, đạt được điểm số cao nhất trong khu vực và vượt qua những bạn cùng trang lứa có điều kiện hơn. Những bằng chứng như vậy chứng minh rõ ràng lợi ích thực tiễn của việc áp dụng tư duy phát triển.</p>
<p>Returning to the initial question: Do you tend to embrace challenges and make a genuine effort to learn? If so, you already demonstrate a growth mindset. If not, it is never too late. With deliberate effort and effective strategies, anyone can adopt a mastery-oriented mindset and thrive academically and professionally.</p>	<p>Quay trở lại câu hỏi ban đầu: Bạn có xu hướng đón nhận thử thách và nỗ lực thực sự để học hỏi không? Nếu vậy, bạn đã thể hiện một tư duy phát triển. Nếu không, thì không bao giờ là quá muộn. Với nỗ lực có chủ đích và các chiến lược hiệu quả, bất cứ ai cũng có thể áp dụng tư duy hướng đến sự thành thạo và phát triển mạnh mẽ trong học tập cũng như sự nghiệp chuyên môn.</p>

Question 18:

Kiến thức: Ngữ cảnh trong bài đọc điền khuyết thông tin

Vị trí cần một cấu trúc phù hợp giải thích lý do hoặc hành động đi kèm cho việc ‘bỏ cuộc’ ở phía trước. Ta xét từng đáp án.

- A. thấy rằng câu hỏi được thiết kế một cách cố ý để gây nhầm lẫn → Sai vì không đề cập đến việc người ra đề ‘cố ý’ đánh đố học sinh. Nó chỉ tập trung vào khả năng của học sinh khi đối mặt với độ khó.
- B. miễn là lời giải thích vẫn chưa được làm cho rõ ràng → Sai vì ngữ cảnh đang nói về phản ứng tâm lý của học sinh, không phải lỗi giảng dạy.
- C. cho rằng nhiệm vụ vượt quá khả năng của họ → Đúng vì lựa chọn này giải thích hoàn hảo cho việc tại sao học sinh ‘cảm thấy bị choáng ngợp và bỏ cuộc’. Nó khớp với định nghĩa về ‘Fixed Mindset’ ở đoạn sau: coi thất bại là do ‘thiếu năng lực’.
- D. giả định rằng lời giải đòi hỏi những kiến thức mà họ còn thiếu → Sai vì nhóm học sinh này bỏ cuộc vì họ tin vào ‘năng lực cốt lõi’ của mình không đủ, chứ không đơn thuần là thiếu thông tin.

Tạm dịch:

Some students feel immediately overwhelmed and give up, assuming the task is beyond their capacity. (Một số học sinh cảm thấy choáng ngợp ngay lập tức và bỏ cuộc, cho rằng nhiệm vụ vượt quá khả năng của họ.)

→ Chọn đáp án C

Question 19:

Kiến thức: Các loại mệnh đề

Ta thấy, đã có chủ ngữ chính ‘psychologist Carol Dweck at Stanford University’, vì vậy vị trí cần một vị ngữ với động từ chính chia thì phù hợp với chủ ngữ chính. Ta xét từng đáp án.

- Loại A và B vì đây là một mệnh đề quan hệ.
- Loại D vì dùng phân từ hoàn thành ‘having analyzed’.
- C đúng vì đây là vị ngữ với động từ chính ‘conducted’.

Tạm dịch:

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Early in her career, psychologist Carol Dweck at Stanford University conducted experiments with ten-year-old children, presenting problems slightly beyond their current abilities. (Ngay từ đầu sự nghiệp, nhà tâm lý học Carol Dweck tại Đại học Stanford đã thực hiện các thí nghiệm với trẻ mười tuổi bằng cách đưa ra những bài toán hơi khó hơn khả năng hiện tại của chúng.)

→ Chọn đáp án C

Question 20:

Kiến thức: Ngữ cảnh trong bài đọc điền khuyết thông tin

Vị trí cần một mệnh đề độc lập hoàn chỉnh đề cập một hệ quả logic của việc ‘sợ thất bại’ do cách khen ngợi sai lầm gây ra. Ta xét từng đáp án.

A. Kết quả là, học sinh có thể trở nên quá phụ thuộc vào các bài kiểm tra tiêu chuẩn → Sai vì bài đọc đang nói về tư duy (mindset) và thái độ với việc học, không tập trung vào vấn đề hệ thống bài kiểm tra tiêu chuẩn (standardized tests).

B. Do đó, học sinh có xu hướng liên kết thành công học tập chủ yếu với phần thưởng tài chính → Sai vì ‘phần thưởng tài chính’ (financial rewards) là một thông tin hoàn toàn không xuất hiện và không liên quan đến mạch văn về tâm lý giáo dục này.

C. Vì vậy, học sinh thường cảm thấy ít áp lực hơn trong việc phải vượt qua bạn bè → Sai vì những người có ‘Fixed Mindset’ (do khen ngợi sai cách) thường cảm thấy áp lực nặng nề và hay so sánh mình với những bạn yếu hơn để bảo vệ lòng tự trọng.

D. Hệ quả là, học sinh thường tập trung vào điểm số hơn là việc học thực sự → Đúng vì đây là hệ quả logic của ‘nỗi sợ thất bại’. Khi sợ thất bại (do chỉ muốn giữ mặt thông minh), học sinh sẽ chỉ quan tâm đến kết quả cuối cùng (điểm số) để chứng minh năng lực thay vì quá trình tiếp thu kiến thức.

Tạm dịch:

Dweck emphasizes that traditional praise for talent or intelligence can instill a fear of failure. Consequently, students often concentrate on grades rather than actual learning. (Dweck nhấn mạnh rằng những lời khen ngợi truyền thống dành cho tài năng hay trí thông minh có thể vô tình hình thành nỗi sợ thất bại. Hệ quả là, học sinh thường tập trung vào điểm số hơn là việc học thực sự.)

→ Chọn đáp án D

Question 21:

Kiến thức: Ngữ cảnh trong bài đọc điền khuyết thông tin

Vị trí cần một cấu trúc phù hợp để chỉ ra kết quả của việc thực hiện các phương pháp tư duy phát triển trong một năm. Ta xét từng đáp án.

A. điều mà đã dẫn đến điểm kiểm tra khu vực đứng đầu và sự vượt qua của các bạn ít ưu thế hơn → Sai vì ngữ cảnh muốn nói nhóm trẻ em đang được nghiên cứu (vốn kém hơn) đã vượt qua các bạn có điều kiện hơn (privileged peers), chứ không phải ngược lại.

B. đạt được điểm số cao nhất trong khu vực và vượt qua những bạn cùng trang lứa có điều kiện hơn → Đúng vì liên kết mạch lạc với ý trước.

C. Sai vì dùng rút gọn mệnh đề quan hệ ở dạng bị động ‘involved’ (được liên quan), không phù hợp về ngữ nghĩa.

D. Sai vì không duy trì tính song hành. Hơn nữa, ‘regional test scores’ không thể hiện được thành tích xuất sắc mà ngữ cảnh muốn đề cập.

Tạm dịch:

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

In one study, underperforming children on a Native American reservation practiced growth mindset techniques for a year, achieving top regional test scores and surpassing more privileged peers. (Trong một nghiên cứu, những đứa trẻ học kém ở khu bảo tồn người Mỹ bản địa đã thực hiện các phương pháp tư duy phát triển trong một năm, đạt được điểm số cao nhất trong khu vực và vượt qua những bạn cùng trang lứa có điều kiện hơn.)

→ Chọn đáp án B

Question 22:

Kiến thức: Ngữ cảnh trong bài đọc điền khuyết thông tin

Vị trí cần một mệnh đề hoàn chỉnh liên kết mạch lạc với ý trước. Ta xét từng đáp án.

A. khả năng học tập của bạn có thể áp dụng tư duy hướng đến sự thành thạo, dẫn đến sự phát triển trí tuệ → Sai vì 'khả năng' (ability) không thể tự nó 'áp dụng' (adopt) một tư duy được. Chỉ có con người mới có thể áp dụng tư duy.

B. bất cứ ai cũng có thể áp dụng tư duy hướng đến sự thành thạo và phát triển mạnh mẽ trong học tập cũng như sự nghiệp chuyên môn → Đúng vì lựa chọn này có chủ ngữ là 'anyone' (bất kỳ ai), phù hợp với hành động 'adopt' (áp dụng). Ý nghĩa của nó cũng mang tính khái quát thông điệp của toàn bài.

C. tư duy của bạn được định vị như là động lực chính của việc học tập bền vững, mặc dù → Sai vì từ 'though' (mặc dù) đặt ở cuối câu khiến mệnh đề trở nên không hoàn chỉnh và không phù hợp với ý nghĩa khẳng định của câu kết.

D. Sai vì chủ ngữ là việc áp dụng ('adopting...') là số ít, nên động từ 'become' phải chia là 'becomes'.

Tạm dịch:

With deliberate effort and effective strategies, anyone can adopt a mastery-oriented mindset and thrive academically and professionally. (Với nỗ lực có chủ đích và các chiến lược hiệu quả, bất cứ ai cũng có thể áp dụng tư duy hướng đến sự thành thạo và phát triển mạnh mẽ trong học tập cũng như sự nghiệp chuyên môn.)

→ Chọn đáp án B

Question 23:

DỊCH BÀI	
Understanding global communication styles in the workplace is essential in today's interconnected world. Whether you are part of a multinational corporation or a small organization with a diverse team, being adept at navigating these varied communication styles is crucial for lasting success.	Việc hiểu rõ các phong cách giao tiếp toàn cầu tại nơi làm việc là điều cần thiết trong thế giới kết nối lẫn nhau ngày nay. Cho dù bạn là thành viên của một tập đoàn đa quốc gia hay một tổ chức nhỏ với một đội ngũ đa dạng, việc thành thạo trong việc điều hướng các phong cách giao tiếp đa dạng này là rất quan trọng cho sự thành công lâu dài.
The workplace is a melting pot where different cultures, languages, and backgrounds come together. This diversity enriches our work environment, but it also presents unique challenges, particularly in intercultural communication. Global communication styles in the workplace vary significantly - from the direct and straightforward approach often seen in North American and Western European cultures to the more indirect and	Nơi làm việc là một "nồi lẩu văn hoá", nơi mà các nền văn hoá, ngôn ngữ và nền tảng khác nhau hội tụ. Sự đa dạng này làm phong phú thêm môi trường làm việc của chúng ta, nhưng nó cũng đặt ra những thách thức độc đáo, đặc biệt là trong giao tiếp liên văn hóa. Các phong cách giao tiếp toàn cầu tại nơi làm việc thay đổi đáng kể - từ cách tiếp cận trực tiếp và thẳng thắn thường thấy ở các nền văn hóa Bắc Mỹ và Tây Âu đến các phong cách gián tiếp và toàn diện hơn

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

<p>holistic styles prevalent in many Asian cultures. Cultures that value directness see it as a sign of honesty and efficiency. In contrast, other cultures might view the same directness as rude or disrespectful. Similarly, indirect communicators, who often rely on context and non-verbal cues, might find themselves misunderstood in environments where directness is the norm. The key to success here is to strike a balance and develop an understanding of these nuances.</p>	<p>phổ biến ở nhiều nền văn hóa châu Á. Những nền văn hóa coi trọng sự trực tiếp coi đó là dấu hiệu của sự trung thực và hiệu quả. Ngược lại, các nền văn hóa khác có thể coi sự trực tiếp tương tự là thô lỗ hoặc thiếu tôn trọng. Tương tự, những người giao tiếp gián tiếp, những người thường dựa vào ngữ cảnh và các tín hiệu phi ngôn ngữ, có thể thấy mình bị hiểu lầm trong những môi trường mà sự trực tiếp là chuẩn mực. Chìa khóa thành công ở đây là đạt được sự cân bằng và phát triển sự hiểu biết về những sắc thái này.</p>
<p>The concept of high-context and low-context cultures is important in understanding global communication styles in the workplace. High-context cultures heavily rely on implicit communication, where much is conveyed through body language, tone of voice, and even silence. Low-context cultures, on the other hand, prefer clear and detailed verbal communication. Recognizing whether your colleagues come from high or low-context backgrounds can greatly enhance your interactions and collaborations.</p>	<p>Khái niệm về các nền văn hóa ngữ cảnh cao và ngữ cảnh thấp rất quan trọng trong việc hiểu các phong cách giao tiếp toàn cầu tại nơi làm việc. Các nền văn hóa ngữ cảnh cao chủ yếu dựa vào giao tiếp ẩn ý, trong đó phần lớn được truyền tải thông qua ngôn ngữ cơ thể, tông giọng và thậm chí cả sự im lặng. Mặt khác, các nền văn hóa ngữ cảnh thấp ưu tiên giao tiếp bằng lời nói rõ ràng và chi tiết. Việc nhận biết đồng nghiệp của bạn đến từ nền tảng ngữ cảnh cao hay thấp có thể nâng cao đáng kể sự tương tác và cộng tác của các bạn.</p>
<p>Encouraging an environment that respects and adapts to various global communication styles in the workplace is likely to increase productiveness. It fosters better collaboration, reduces misunderstandings, and enhances a team's dynamic. It's about being flexible, culturally sensitive, and empathetic. By embracing these diverse communication styles, both organizations and individuals can build stronger, more effective teams. As we navigate through the complexities of global communication, let's remember that it's not just about overcoming barriers; it's about building bridges of understanding that can lead to greater success and innovation.</p>	<p>Khuyến khích một môi trường tôn trọng và thích nghi với các phong cách giao tiếp toàn cầu khác nhau tại nơi làm việc có khả năng tăng năng suất. Nó thúc đẩy sự hợp tác tốt hơn, giảm hiểu lầm và nâng cao động lực của nhóm. Đó là về sự linh hoạt, nhạy cảm về văn hóa và sự thấu cảm. Bằng cách đón nhận các phong cách giao tiếp đa dạng này, cả tổ chức và cá nhân đều có thể xây dựng những đội ngũ mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn. Khi chúng ta điều hướng qua những phức tạp của giao tiếp toàn cầu, hãy nhớ rằng đó không chỉ là vượt qua các rào cản; đó là việc xây dựng những cầu nối của sự hiểu biết mà có thể dẫn đến sự thành công và đổi mới lớn hơn.</p>

Question 23:

Kiến thức: Từ vựng đồng nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Từ **“adept”** trong đoạn 1 có thể được thay thế tốt nhất bằng _____.

- A. amateur /'æmətə(r)/ (adj/n): nghiệp dư
- B. adjustable /ə'dʒʌstəbl/ (adj): có thể điều chỉnh được
- C. compatible /kəm'pæətəbl/ (adj): tương thích, hợp nhau
- D. skilled /skɪld/ (adj): có kỹ năng, thành thạo

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

- adept /ə'dept/ (adj): giỏi, thành thạo, tinh thông = skilled (adj)

Thông tin:

Whether you are part of a multinational corporation or a small organization with a diverse team, being **adept** at navigating these varied communication styles is crucial for lasting success. (Cho dù bạn là thành viên của một tập đoàn đa quốc gia hay một tổ chức nhỏ với một đội ngũ đa dạng, việc thành thạo trong việc điều hướng các phong cách giao tiếp đa dạng này là rất quan trọng cho sự thành công lâu dài.)

→ Chọn đáp án D

Question 24:

Kiến thức: Từ quy chiếu

Từ "**it**" trong đoạn 2 ám chỉ đến _____.

- A. văn hoá
- B. sự đa dạng
- C. môi trường
- D. nơi làm việc

- Từ "it" trong đoạn 2 ám chỉ đến "diversity".

Thông tin:

This **diversity** enriches our work environment, but **it** also presents unique challenges, particularly in intercultural communication. (Sự đa dạng này làm phong phú thêm môi trường làm việc của chúng ta, nhưng nó cũng đặt ra những thách thức độc đáo, đặc biệt là trong giao tiếp liên văn hóa.)

→ Chọn đáp án B

Question 25:

Kiến thức: TRUE/ NOT TRUE/ NOT MENTIONED

Điều nào sau đây **KHÔNG** được đề cập trong đoạn 3 như một cách mà ý nghĩa được truyền đạt trong các nền văn hóa ngữ cảnh cao?

- A. giao tiếp bằng lời nói
- B. tông giọng
- C. ngôn ngữ cơ thể
- D. sự im lặng

Thông tin:

+ **High-context cultures** heavily rely on implicit communication, where much is conveyed through body **language, tone of voice**, and even **silence**. (Các nền văn hóa ngữ cảnh cao chủ yếu dựa vào giao tiếp ẩn ý, trong đó phần lớn được truyền tải thông qua ngôn ngữ cơ thể, tông giọng và thậm chí cả sự im lặng.)

→ B, C và D là những cách mà ý nghĩa được truyền đạt trong các nền văn hóa ngữ cảnh cao.

+ **Low-context cultures**, on the other hand, prefer clear and detailed **verbal communication**. (Mặt khác, các nền văn hóa ngữ cảnh thấp ưu tiên giao tiếp bằng lời nói rõ ràng và chi tiết.)

→ A là cách mà ý nghĩa được truyền đạt trong các nền văn hóa ngữ cảnh thấp.

→ Chọn đáp án A

Question 26:

Kiến thức: Từ vựng trái nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Từ **“implicit”** trong đoạn 3 có nghĩa TRÁI NGƯỢC với _____.

- A. explicit /ɪk'splɪt/ (adj): rõ ràng, dứt khoát (nói thẳng, không che đậy, dễ hiểu)
 - B. implied /ɪm'plaɪd/ (adj): được ngầm hiểu, được ám chỉ
 - C. unspoken /ʌn'spəʊkən/ (adj): không nói ra, hiểu ngầm
 - D. indirect /ɪndə'rekt/ (adj): gián tiếp
- implicit /ɪm'plɪsɪt/ (adj): ẩn ý, ngầm hiểu >< explicit (adj)

Thông tin:

High-context cultures heavily rely on **implicit** communication, where much is conveyed through body language, tone of voice, and even silence. (Các nền văn hóa ngữ cảnh cao chủ yếu dựa vào giao tiếp ẩn ý, trong đó phần lớn được truyền tải thông qua ngôn ngữ cơ thể, tông giọng và thậm chí cả sự im lặng.)

→ Chọn đáp án A

Question 27:

Kiến thức: Paraphrasing

Câu nào sau đây diễn giải tốt nhất câu được gạch chân ở đoạn 4?

Khi chúng ta điều hướng qua những phức tạp của giao tiếp toàn cầu, hãy nhớ rằng đó không chỉ là vượt qua các rào cản; đó là việc xây dựng những cầu nối của việc thấu hiểu mà có thể dẫn đến thành công và đổi mới lớn hơn.

- A. Sự thành công và đổi mới tại nơi làm việc toàn cầu phụ thuộc vào việc xây dựng sự hiểu biết về văn hóa thay vì giải quyết với những khó khăn trong giao tiếp. => Sai vì ‘rather than dealing with communication difficulties’ đã phủ nhận hoàn toàn ý ‘overcoming barriers’ trong câu gốc.
- B. Sự thành công và đổi mới lớn hơn có khả năng đạt được cao hơn khi tất cả các rào cản giao tiếp ở nơi làm việc toàn cầu được loại bỏ hoàn toàn. => Sai vì câu gốc không đề cập đến việc tất cả các rào cản giao tiếp ‘được loại bỏ hoàn toàn’.
- C. Việc xử lý thành công giao tiếp toàn cầu tập trung vào việc loại bỏ các rào cản nhằm thúc đẩy sự hiểu biết, thứ dẫn đến sự thành công và đổi mới. => Sai hoàn toàn về ngữ nghĩa ở ‘focuses on eliminating barriers in order to promote understanding’ so với câu gốc.
- D. Quá trình giao tiếp toàn cầu không chỉ đơn thuần là vượt qua những trở ngại mà còn là thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau, thứ giúp dẫn dắt sự thành công và đổi mới. => Đúng vì diễn giải tốt nhất ngữ nghĩa của câu gốc.

Thông tin:

As we navigate through the complexities of global communication, let’s remember that it’s not just about overcoming barriers; it’s about building bridges of understanding that can lead to greater success and innovation. (Khi chúng ta điều hướng qua những phức tạp của giao tiếp toàn cầu, hãy nhớ rằng đó không chỉ là vượt qua các rào cản; đó là việc xây dựng những cầu nối của sự hiểu biết mà có thể dẫn đến sự thành công và đổi mới lớn hơn.)

→ Chọn đáp án D

Question 28:

Kiến thức: TRUE/ NOT TRUE/ NOT MENTIONED

Câu nào sau đây ĐÚNG theo bài đọc?

- A. Cách tiếp cận trực tiếp và thẳng thắn có xu hướng được ưa thích ở tất cả các nền văn hóa ở các nơi làm việc toàn cầu.
- B. Nền văn hóa ngữ cảnh cao dựa nhiều vào ngôn ngữ cơ thể và các tín hiệu ngầm hơn là thông điệp chi tiết bằng lời nói.

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

C. Việc hiểu biết các phong cách giao tiếp toàn cầu ở nơi làm việc chỉ cần thiết ở các tập đoàn đa quốc gia.

D. Việc đón nhận các phong cách giao tiếp đa dạng có thể ngăn cản các tổ chức và cá nhân làm việc hiệu quả.

Thông tin:

+ Global communication styles in the workplace vary significantly - from the **direct and straightforward approach** often seen in **North American and Western European cultures** to the **more indirect and holistic styles** prevalent in **many Asian cultures**. (Các phong cách giao tiếp toàn cầu tại nơi làm việc thay đổi đáng kể - từ cách tiếp cận trực tiếp và thẳng thắn thường thấy ở các nền văn hóa Bắc Mỹ và Tây Âu đến các phong cách gián tiếp và toàn diện hơn phổ biến ở nhiều nền văn hóa châu Á.)

→ A sai ở 'all' vì cách tiếp cận trực tiếp và thẳng thắn có xu hướng được ưa thích ở một số nền văn hoá như Bắc Mỹ, Tây Âu trong khi nhiều nền văn hoá châu Á ưa thích phong cách gián tiếp và toàn diện hơn.

+ Whether you are part of **a multinational corporation or a small organization with a diverse team, being adept at navigating these varied communication styles is crucial** for lasting success. (Cho dù bạn là thành viên của một tập đoàn đa quốc gia hay một tổ chức nhỏ với một đội ngũ đa dạng, việc thành thạo trong việc điều hướng các phong cách giao tiếp đa dạng này là rất quan trọng cho sự thành công lâu dài.)

→ C sai vì 'only essential in multinational corporations' đã bị bác bỏ, bài đọc khẳng định việc hiểu biết các phong cách giao tiếp toàn cầu tại nơi làm việc cần thiết cho cả 'tập đoàn đa quốc gia và một tổ chức nhỏ với một đội ngũ đa dạng'.

+ By embracing these diverse communication styles, both organizations and individuals can **build stronger, more effective teams**. (Bằng cách đón nhận các phong cách giao tiếp đa dạng này, cả tổ chức và cá nhân đều có thể xây dựng những đội ngũ mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn.)

→ D sai vì ngược lại, bài đọc nói rõ việc đón nhận các phong cách giao tiếp đa dạng sẽ dẫn đến kết quả tích cực (xây dựng những đội ngũ mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn), không phải 'discourage' (ngăn cản).

+ **High-context cultures heavily rely on implicit communication, where much is conveyed through body language, tone of voice, and even silence**. (Các nền văn hóa ngữ cảnh cao chủ yếu dựa vào giao tiếp ẩn ý, trong đó phần lớn được truyền tải thông qua ngôn ngữ cơ thể, tông giọng và thậm chí cả sự im lặng.)

→ B đúng.

→ Chọn đáp án B

Question 29:

Kiến thức: Tìm đoạn chứa thông tin

Trong đoạn văn nào tác giả đề cập đến sự tương phản giữa các phong cách giao tiếp khác nhau?

A. Đoạn 1

B. Đoạn 2

C. Đoạn 4

D. Đoạn 3

Thông tin:

Global communication styles in the workplace vary significantly - **from the direct and straightforward approach often seen in North American and Western European cultures to the more indirect and holistic styles prevalent in many Asian cultures**. Cultures that value directness see it as a sign of honesty and efficiency. In contrast, other cultures might view the same directness as rude or disrespectful. Similarly, indirect communicators, who often rely on context and non-verbal cues, **might find themselves misunderstood in environments where directness is the norm**. (Các phong cách giao tiếp toàn cầu tại nơi làm việc thay đổi đáng kể - từ cách tiếp cận trực tiếp và thẳng thắn thường thấy ở các nền văn hóa Bắc Mỹ và Tây Âu đến các phong cách gián tiếp và toàn diện hơn phổ biến ở nhiều nền văn hóa châu Á. Những nền văn hóa coi trọng sự trực tiếp

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

coi đó là dấu hiệu của sự trung thực và hiệu quả. Ngược lại, các nền văn hóa khác có thể coi sự trực tiếp tương tự là thô lỗ hoặc thiếu tôn trọng. Tương tự, những người giao tiếp gián tiếp, những người thường dựa vào ngữ cảnh và các tín hiệu phi ngôn ngữ, có thể thấy mình bị hiểu lầm trong những môi trường mà sự trực tiếp là chuẩn mực.)

→ Chọn đáp án B

Question 30:

Kiến thức: Tìm đoạn chứa thông tin

Trong đoạn văn nào tác giả đề cập đến việc tạo ra một môi trường hỗ trợ thích nghi với các phong cách giao tiếp toàn cầu khác nhau?

- A. Đoạn 4
- B. Đoạn 3
- C. Đoạn 2
- D. Đoạn 1

Thông tin:

Encouraging an environment that respects and adapts to various global communication styles in the workplace is likely to increase productiveness. (Khuyến khích một môi trường tôn trọng và thích nghi với các phong cách giao tiếp toàn cầu khác nhau tại nơi làm việc có khả năng tăng năng suất.)

→ Chọn đáp án A

Question 31:

DỊCH BÀI:	
Cancel culture	Văn hóa tẩy chay
Cancel culture has become one of the most debated phenomena in today's digital society. At its core, it refers to the practice of publicly shaming or withdrawing support from individuals or organizations that are perceived to have violated social norms. While public shaming has existed for centuries, the internet has transformed its speed and reach. What once took weeks or months to spread through newspapers or word of mouth can now escalate within hours on social media platforms. This immediacy has made cancel culture a powerful tool of accountability, but also a source of controversy regarding fairness, freedom of expression, and the potential for harm.	Văn hóa tẩy chay đã trở thành một trong những hiện tượng được tranh luận nhiều nhất trong xã hội kỹ thuật số ngày nay. Về bản chất, nó đề cập đến việc công khai bêu xấu hoặc rút lại sự ủng hộ đối với các cá nhân hoặc tổ chức bị cho là đã vi phạm các chuẩn mực xã hội. Mặc dù việc bêu xấu công khai đã tồn tại hàng thế kỷ, nhưng internet đã làm thay đổi tốc độ và phạm vi của nó. Những gì trước đây phải mất hàng tuần hoặc hàng tháng để lan truyền qua báo chí hoặc truyền miệng giờ đây có thể leo thang trong vòng vài giờ trên các nền tảng mạng xã hội. Tính tức thời này đã biến văn hóa tẩy chay thành một công cụ mạnh mẽ để buộc các đối tượng phải chịu trách nhiệm, nhưng cũng là một nguồn gây tranh cãi liên quan đến sự công bằng, tự do ngôn luận và khả năng gây hại.
Historically, social movements such as the abolitionist campaigns or the Civil Rights Movement relied on boycotts and public pressure to demand justice. Cancel culture can be seen as a modern extension of these tactics, amplified by digital	Trong lịch sử, các phong trào xã hội như các chiến dịch bãi bỏ chế độ nô lệ hoặc Phong trào Dân quyền đã dựa vào việc tẩy chay và áp lực công chúng để đòi công lý. Văn hóa tẩy chay có thể được coi là sự mở rộng hiện đại của những chiến thuật này, được

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

<p>technology. Online platforms allow communities to mobilize quickly, using hashtags, petitions, or viral posts to call out perceived misconduct. Influencers and celebrities play a crucial role in shaping these narratives, either intensifying criticism or helping to mitigate its effects. The involvement of high-profile figures often determines whether a cancellation succeeds or fades away, highlighting the complex interplay between public opinion and media influence.</p>	<p>khuếch đại bởi công nghệ kỹ thuật số. Các nền tảng trực tuyến cho phép các cộng đồng huy động nhanh chóng, sử dụng hashtag, kiến nghị hoặc bài đăng lan truyền để tố cáo hành vi sai trái. Những người có ảnh hưởng và người nổi tiếng đóng một vai trò quan trọng trong việc định hình những câu chuyện này, hoặc làm tăng cường chỉ trích hoặc giúp giảm thiểu tác động của nó. Sự tham gia của những nhân vật nổi tiếng thường quyết định liệu việc tẩy chay có thành công hay không, làm nổi bật sự tương tác phức tạp giữa dư luận và ảnh hưởng của truyền thông.</p>
<p>The consequences of cancel culture are wide-ranging. For individuals, the impact can include reputational damage, loss of employment, and even psychological distress. At the same time, public pressure can lead to positive outcomes, such as policy changes or greater awareness of discrimination and injustice. Yet critics warn of negative effects: the chilling of free speech, disproportionate punishment, and the spread of misinformation. Because online judgments are often made quickly and without due process, people may face condemnation for statements taken out of context or exaggerated by viral content. This lack of nuance raises concerns about whether cancel culture truly promotes justice or simply fuels polarization.</p>	<p>Hậu quả của văn hóa tẩy chay rất đa dạng. Đối với cá nhân, tác động có thể bao gồm thiệt hại về danh tiếng, mất việc làm và thậm chí là đau khổ về tâm lý. Đồng thời, áp lực dư luận có thể dẫn đến những kết quả tích cực, chẳng hạn như thay đổi chính sách hoặc nâng cao nhận thức về phân biệt đối xử và bất công. Tuy nhiên, các nhà phê bình cảnh báo về những tác động tiêu cực: sự kìm hãm tự do ngôn luận, hình phạt không tương xứng và sự lan truyền thông tin sai lệch. Bởi vì các phán xét trực tuyến thường được đưa ra nhanh chóng và không có quy trình thích đáng, mọi người có thể phải đối mặt với sự lên án vì những phát ngôn bị cắt khỏi ngữ cảnh hoặc bị phóng đại bởi nội dung lan truyền. Sự thiếu tinh tế này làm dấy lên lo ngại về việc liệu văn hóa tẩy chay có thực sự thúc đẩy công lý hay chỉ đơn giản là làm gia tăng sự phân cực.</p>
<p>Looking ahead, cancel culture is likely to evolve alongside technology and social movements. Artificial intelligence and algorithms may further amplify online criticism, while platforms will continue to struggle with balancing free speech and community safety. The future of cancel culture will depend on how societies adapt—whether they foster media literacy, encourage critical thinking, and design fairer systems of accountability. Ultimately, cancel culture reflects both the power and the risks of digital communities. It can hold individuals accountable for harmful actions, but it must be tempered with fairness, empathy, and respect for human dignity to avoid becoming destructive.</p>	<p>Nhìn về phía trước, văn hóa tẩy chay có khả năng sẽ phát triển song song với công nghệ và các phong trào xã hội. Trí tuệ nhân tạo và thuật toán có thể khuếch đại hơn nữa sự chỉ trích trực tuyến, trong khi các nền tảng sẽ tiếp tục phải vật lộn với việc cân bằng giữa tự do ngôn luận và an toàn cộng đồng. Tương lai của văn hóa tẩy chay sẽ phụ thuộc vào cách các xã hội thích ứng - liệu họ có thúc đẩy khả năng đọc hiểu phương tiện truyền thông, khuyến khích tư duy phản biện và thiết kế các hệ thống trách nhiệm giải trình công bằng hơn hay không. Cuối cùng, văn hóa tẩy chay phản ánh cả sức mạnh và rủi ro của các cộng đồng kỹ thuật số. Nó có thể buộc các cá nhân phải chịu trách nhiệm về những hành vi gây hại, nhưng cần phải được cân bằng với sự công bằng, lòng cảm thông và sự tôn trọng phẩm giá con người để tránh trở nên phản tác dụng.</p>

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Question 31:

Kiến thức: Từ quy chiếu

Từ "it" trong đoạn 1 đề cập đến _____.

- A. hiện tượng đang tranh luận
- B. văn hóa tẩy chay
- C. xã hội kỹ thuật số
- D. hành vi bêu xấu

Từ "it" trong đoạn 1 đề cập đến 'cancel culture'.

Thông tin: Cancel culture has become one of the most debated phenomena in today's digital society. At its core, it refers to the practice of publicly shaming or withdrawing support from individuals or organizations that are perceived to have violated social norms. (Văn hóa tẩy chay đã trở thành một trong những hiện tượng được tranh luận nhiều nhất trong xã hội kỹ thuật số ngày nay. Về bản chất, nó đề cập đến việc công khai bêu xấu hoặc rút lại sự ủng hộ đối với các cá nhân hoặc tổ chức bị cho là đã vi phạm các chuẩn mực xã hội.)

→ Chọn đáp án B

Question 32:

Kiến thức: Tóm tắt nội dung đoạn trong bài đọc

Theo đoạn 2, những người có tầm ảnh hưởng và người nổi tiếng chủ yếu _____.

- A. ảnh hưởng đến việc chỉ trích công khai được tăng cường hay giảm nhẹ
- B. đóng góp vào các chiến thuật hoạt động hiện đại thông qua sự hiện diện trên truyền thông của họ
- C. làm giảm sự lan rộng của các câu chuyện công khai
- D. đóng vai trò trong việc đảm bảo rằng chỉ trích trực tuyến trở nên khách quan hơn

Thông tin: Influencers and celebrities play a crucial role in shaping these narratives, either **intensifying criticism or helping to mitigate its effects**. (Những người có ảnh hưởng và người nổi tiếng đóng một vai trò quan trọng trong việc định hình những câu chuyện này, hoặc làm tăng cường chỉ trích hoặc giúp giảm thiểu tác động của nó.)

→ Chọn đáp án A

Question 33:

Kiến thức: Tóm tắt nội dung đoạn trong bài đọc

Câu nào sau đây tóm tắt đoạn 2 tốt nhất?

- A. Các nền tảng số cho phép hành động tập thể diễn ra nhanh chóng, trong đó những nhân vật có ảnh hưởng định hình mức độ tác động của các cuộc tẩy chay.

→ Đúng, phù hợp tóm tắt đoạn 2.

- B. Những người có ảnh hưởng sử dụng sự nổi tiếng của mình để làm sai lệch các câu chuyện của truyền thông truyền thống và định hình lại diễn ngôn xã hội.

→ Sai, đoạn 2 không đề cập những người có sức ảnh hưởng dùng sự nổi tiếng để làm sai lệch các câu chuyện truyền thông. Đoạn chỉ đề cập họ có thể khuếch đại hoặc làm giảm nhẹ chỉ trích.

- C. Văn hóa tẩy chay bắt nguồn từ các phong trào lịch sử nhưng cho thấy hiệu quả hạn chế trong môi trường kỹ thuật số.

→ Sai, đoạn không đề cập về 'limited effectiveness in digital environments' (hiệu quả hạn chế trong môi trường kỹ thuật số). Ngược lại, nó được khuếch đại bởi công nghệ.

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

D. Các chiến dịch trực tuyến dựa vào các kiến nghị nhiều hơn là dư luận để gây áp lực lên các cá nhân liên quan.
→ Sai, đoạn đề cập ‘petitions’ (kiến nghị) là một trong nhiều cách gây áp lực; không nhấn mạnh dựa vào các kiến nghị nhiều hơn là dư luận.

Thông tin: Đoạn 2 đề cập đến việc văn hoá tẩy chay bắt nguồn từ các phong trào xã hội trong lịch sử và được khuếch đại mạnh mẽ nhờ nền tảng số, trong đó những người có ảnh hưởng đóng vai trò quyết định mức độ tác động của các cuộc tẩy chay. Vì vậy, A là đáp án phù hợp nhất để tóm tắt đoạn 2.

→ Chọn đáp án A

Question 34:

Kiến thức: Từ vựng đồng nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

- A. disqualified /dɪs'kwɒlɪfaɪd/ (adj): bị mất quyền, không đủ tư cách
- B. unauthorized /ʌn'ɔ:θəraɪzd/ (adj): chưa được cấp phép, trái phép
- C. inequitable /ɪn'ekwɪtəbl/ (adj): không công bằng, không tương xứng
- D. unacknowledged /ʌnək'nɒlɪdʒd/ (adj): không được thừa nhận, bị phớt lờ
- disproportionate /,dɪsprə'pɔ:ʃənət/ (adj): không cân xứng, không tương xứng = inequitable

Thông tin: Yet critics warn of negative effects: the chilling of free speech, **disproportionate** punishment, and the spread of misinformation. (Tuy nhiên, các nhà phê bình cảnh báo về những tác động tiêu cực: sự kìm hãm tự do ngôn luận, hình phạt không tương xứng và sự lan truyền thông tin sai lệch.)

→ Chọn đáp án C

Question 35:

Kiến thức: Đọc hiểu thông tin chi tiết

Theo đoạn 3, một kết quả tích cực có thể có của văn hóa tẩy chay là _____.

- A. loại bỏ thông tin sai lệch trên các nền tảng mạng xã hội
- B. bảo vệ tự do ngôn luận trong xã hội
- C. nâng cao nhận thức về bất bình đẳng và công bằng xã hội
- D. đảm bảo sự công bằng trong các quy trình xét xử công khai

Thông tin: At the same time, **public pressure can lead to positive outcomes**, such as policy changes or **greater awareness of discrimination and injustice**. (Đồng thời, áp lực dư luận có thể dẫn đến những kết quả tích cực, chẳng hạn như thay đổi chính sách hoặc nâng cao nhận thức về phân biệt đối xử và bất công.)

→ Chọn đáp án C

Question 36:

Kiến thức: Paraphrasing

Câu nào sau đây diễn đạt lại câu được gạch chân trong đoạn 3 một cách chính xác nhất?

Sự thiếu tinh tế này làm dấy lên lo ngại về việc liệu văn hóa tẩy chay có thực sự thúc đẩy công lý hay chỉ đơn giản là làm gia tăng sự phân cực.

A. Việc thiếu sự phán xét cẩn thận khiến mọi người đặt câu hỏi liệu văn hóa tẩy chay có đạt được sự công bằng hay làm sâu sắc thêm sự chia rẽ xã hội.

→ Đúng, phù hợp diễn giải câu gốc.

B. Sự phức tạp của văn hóa tẩy chay chứng minh rằng sự phân cực là không thể tránh khỏi trong các cuộc tranh luận trực tuyến và các phong trào xã hội hiện đại.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

→ Sai, câu gốc không đề cập đến ‘complexity of cancel culture’ (Sự phức tạp của văn hóa tẩy chay) và không đề cập ‘polarization is unavoidable’ (sự phân cực là không thể tránh khỏi).

C. Việc thiếu hiểu biết về bối cảnh khiến một số người coi văn hóa tẩy chay là không hiệu quả hoặc gây chia rẽ xã hội.

→ Sai, khác hoàn toàn ý nghĩa câu gạch chân. Câu gốc đề cập lo ngại về thúc đẩy công lý ‘justice’ chứ không đề cập về ‘ineffective’ (không hiệu quả).

D. Nếu không có sự tinh tế rõ ràng, văn hóa tẩy chay gây ra bất công trong cộng đồng kỹ thuật số và làm suy yếu niềm tin vào trách nhiệm giải trình của công chúng.

→ Sai, câu này khẳng định ‘cancel culture causes injustice’ (văn hóa tẩy chay gây ra bất công) trong khi câu gốc chỉ đặt lên nghi vấn.

→ Chọn đáp án A

Question 37:

Kiến thức: Suy luận

Yếu tố nào có khả năng cao nhất gây ra tính hủy hoại ngày càng tăng của văn hóa tẩy chay trong các cộng đồng kỹ thuật số?

A. Dựa vào thuật toán để đẩy nhanh sự lan truyền của chỉ trích công khai.

B. Sự thiếu hụt tư duy phản biện và những khuôn khổ trách nhiệm công bằng còn nhiều khiếm khuyết.

C. Sự bình thường hóa của việc phán xét tập thể chậm chạp và được cân nhắc kỹ lưỡng.

D. Sự gia tăng khả năng hiển thị của các tranh cãi trực tuyến trên các nền tảng kỹ thuật số.

Thông tin:

+ Artificial intelligence and **algorithms may further amplify online criticism**, while platforms will continue to struggle with balancing free speech and community safety. (Trí tuệ nhân tạo và thuật toán có thể khuếch đại hơn nữa sự chỉ trích trực tuyến, trong khi các nền tảng sẽ tiếp tục phải vật lộn với việc cân bằng giữa tự do ngôn luận và an toàn cộng đồng.)

→ A sai vì bài chỉ đề cập thuật toán có thể khuếch đại hơn nữa sự chỉ trích trực tuyến, không thể suy luận điều này gây ra tính hủy hoại ngày càng tăng của văn hoá tẩy chay.

+ Because **online judgments are often made quickly and without due process**, people may face condemnation for statements taken out of context or exaggerated by viral content. This **lack of nuance raises concerns** about whether cancel culture truly promotes justice or simply fuels polarization. (Bởi vì các phán xét trực tuyến thường được đưa ra nhanh chóng và không có quy trình thích đáng, mọi người có thể phải đối mặt với sự lên án vì những phát ngôn bị cắt khỏi ngữ cảnh hoặc bị phóng đại bởi nội dung lan truyền. Sự thiếu tinh tế này làm dấy lên lo ngại về việc liệu văn hóa tẩy chay có thực sự thúc đẩy công lý hay chỉ đơn giản là làm gia tăng sự phân cực.)

→ C sai vì bài đề cập việc phán xét nhanh chóng, thiếu tinh tế mới gây hại. Nếu xã hội đánh giá chậm và kỹ lưỡng, văn hoá tẩy chay sẽ ít gây hại hơn, không phải yếu tố gây ra ‘increasing destructiveness’.

+ Không có thông tin đề cập về ‘visibility’ (mức độ hiển thị/mức độ được nhìn thấy) là nguyên nhân gây hại. Bài đề cập vấn đề là cách con người phán xét.

→ D sai

+ **The future of cancel culture will depend on how societies adapt**—whether they foster media literacy, **encourage critical thinking, and design fairer systems of accountability**. Ultimately, cancel culture reflects both the power and the risks of digital communities. It can hold individuals accountable for harmful actions, but **it must be tempered with fairness, empathy, and respect for human dignity to avoid becoming destructive**. (Tương lai của văn hóa tẩy chay sẽ phụ thuộc vào cách các xã hội thích ứng - liệu họ có thúc đẩy khả

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

năng đọc hiểu phương tiện truyền thông, khuyến khích tư duy phản biện và thiết kế các hệ thống trách nhiệm giải trình công bằng hơn hay không. Cuối cùng, văn hóa tẩy chay phản ánh cả sức mạnh và rủi ro của các cộng đồng kỹ thuật số. Nó có thể buộc các cá nhân phải chịu trách nhiệm về những hành vi gây hại, nhưng cần phải được cân bằng với sự công bằng, lòng cảm thông và sự tôn trọng phẩm giá con người để tránh trở nên phản tác dụng.)

→ B đúng. Bài đề cập tương lai của văn hóa tẩy chay sẽ phụ thuộc vào cách các xã hội thích ứng, liệu họ có thúc đẩy khả năng đọc hiểu phương tiện truyền thông, khuyến khích tư duy phản biện và thiết kế các hệ thống trách nhiệm giải trình công bằng hơn hay không; đồng thời nhấn mạnh văn hoá tẩy chay cần cân bằng để tránh ‘becoming destructive’.

→ Chọn đáp án B

Question 38:

Kiến thức: Suy luận

Điều nào sau đây có thể được suy luận từ bài đọc?

- A. Việc thiếu các biện pháp bảo vệ thủ tục trong trách nhiệm giải trình trực tuyến làm tăng nguy cơ dẫn đến kết quả bất công.
- B. Phản ứng của công chúng đối với các tranh cãi trực tuyến ngày càng bị định hình bởi kinh nghiệm cá nhân.
- C. Chỉ trích trực tuyến đã trở nên hiệu quả hơn khi các nền tảng kỹ thuật số khuyến khích việc đánh giá cẩn thận các cáo buộc về hành vi sai trái.
- D. Ảnh hưởng của cộng đồng kỹ thuật số đối với phán xét của công chúng có xu hướng giảm đi một khi các cuộc điều tra được bắt đầu.

Thông tin:

+ Cancel culture can be seen as a modern extension of these tactics, amplified by digital technology. Online platforms allow **communities to mobilize quickly, using hashtags, petitions, or viral posts** to call out perceived misconduct. **Influencers and celebrities play a crucial role in shaping these narratives**, either intensifying criticism or helping to mitigate its effects. (Văn hóa tẩy chay có thể được coi là sự mở rộng hiện đại của những chiến thuật này, được khuếch đại bởi công nghệ kỹ thuật số. Các nền tảng trực tuyến cho phép các cộng đồng huy động nhanh chóng, sử dụng hashtag, kiến nghị hoặc bài đăng lan truyền để tố cáo hành vi sai trái. Những người có ảnh hưởng và người nổi tiếng đóng một vai trò quan trọng trong việc định hình những câu chuyện này, hoặc làm tăng cường chỉ trích hoặc giúp giảm thiểu tác động của nó.)

→ B sai ở ‘shaped by individual experiences’ (định hình bởi kinh nghiệm cá nhân) vì bài không đề cập. Bài chỉ đề cập về dư luận, cộng đồng, đặc biệt là những người có sức ảnh hưởng, người nổi tiếng đóng một vai trò quan trọng trong việc định hình các câu chuyện.

+ Không có thông tin về việc ‘investigations are initiated’ (các cuộc điều tra được bắt đầu)

→ D sai

+ Because online judgments are often made quickly and **without due process**, people may face condemnation for statements taken out of context or exaggerated by viral content. **This lack of nuance raises concerns** about whether cancel culture truly promotes justice or simply fuels polarization. (Bởi vì các phán xét trực tuyến thường được đưa ra nhanh chóng và không có quy trình thích đáng, mọi người có thể phải đối mặt với sự lên án vì những phát ngôn bị cắt khỏi ngữ cảnh hoặc bị phóng đại bởi nội dung lan truyền. Sự thiếu tinh tế này làm dấy lên lo ngại về việc liệu văn hóa tẩy chay có thực sự thúc đẩy công lý hay chỉ đơn giản là làm gia tăng sự phân cực.)

→ C sai ở ‘has become’ vì bài đề cập thông tin hoàn toàn trái ngược. Không có thông tin để suy luận rằng chỉ trích trực tuyến đã trở nên hiệu quả hơn.

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

→ A có thể được suy ra vì ‘The absence of procedural safeguards’ (Việc thiếu các biện pháp bảo vệ thủ tục) = ‘without due process’ (không có quy trình thích đáng)

→ Chọn đáp án A

Question 39:

Kiến thức: Chèn câu

Câu sau đây phù hợp nhất ở đâu trong bài đọc?

“Những gì trước đây phải mất hàng tuần hoặc hàng tháng để lan truyền qua báo chí hoặc truyền miệng giờ đây có thể leo thang trong vòng vài giờ trên các nền tảng mạng xã hội.”

- A. (IV)
- B. (I)
- C. (II)
- D. (III)

Thông tin: While public shaming has existed for centuries, the internet has transformed its speed and reach. What once took weeks or months to spread through newspapers or word of mouth can now escalate within hours on social media platforms. This immediacy has made cancel culture a powerful tool of accountability, but also a source of controversy regarding fairness, freedom of expression, and the potential for harm. (Mặc dù việc bêu xấu công khai đã tồn tại hàng thế kỷ, nhưng internet đã làm thay đổi tốc độ và phạm vi của nó. Những gì trước đây phải mất hàng tuần hoặc hàng tháng để lan truyền qua báo chí hoặc truyền miệng giờ đây có thể leo thang trong vòng vài giờ trên các nền tảng mạng xã hội. Tính tức thời này đã biến văn hóa tẩy chay thành một công cụ mạnh mẽ để buộc các đối tượng phải chịu trách nhiệm, nhưng cũng là một nguồn gây tranh cãi liên quan đến sự công bằng, tự do ngôn luận và khả năng gây hại.)

- Câu này phù hợp ở vị trí (I) vì phù hợp liên kết với câu trước và sau đó.

+ Câu trước đó đề cập: ‘the internet has transformed its speed and reach’ (internet đã làm thay đổi tốc độ và phạm vi của nó).

+ Câu sau đó bắt đầu bằng ‘This immediacy’ (Tính tức thời này)

=> Câu được chèn vào minh họa trực tiếp cho ý “internet has transformed its speed and reach” và tạo tiền đề cho cụm “This immediacy” ở câu sau.

→ Chọn đáp án B

Question 40:

Kiến thức: Tóm tắt bài đọc

Câu nào sau đây tóm tắt bài đọc hay nhất?

A. Văn hóa tẩy chay sẽ phát triển cùng với công nghệ, đòi hỏi khả năng hiểu biết về truyền thông và các hệ thống trách nhiệm giải trình công bằng.

→ Sai, chỉ đề cập về tương lai sẽ phát triển, thiếu thông tin về rủi ro và tác động thực tế,

B. Văn hóa tẩy chay là một hình thức trừng phạt trực tuyến hiện đại do người nổi tiếng và thuật toán thống trị diễn ngôn công cộng kỹ thuật số đương đại trên toàn thế giới ngày nay.

→ Sai, quá tiêu cực (coi đó chỉ là hình phạt) và quá tập trung vào chi tiết (người nổi tiếng, thuật toán); thiếu đi khía cạnh tích cực (đòi công lý) và định hướng giải pháp.

C. Văn hóa tẩy chay cho thấy sức mạnh và rủi ro của trách nhiệm giải trình kỹ thuật số, đòi hỏi sự công bằng và khả năng thích ứng khi công nghệ phát triển.

→ Đúng, phù hợp tóm tắt bài đọc.

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

D. Văn hóa tẩy chay cho phép trách nhiệm giải trình kỹ thuật số nhanh chóng bằng cách liên tục định hình lại các chuẩn mực xã hội thông qua hành động tập thể trực tuyến.

→ Sai, chỉ đề cập mặt tích cực, thiếu thông tin về các rủi ro, sự bất công và tính huỷ hoại.

Tóm tắt: Bài đọc đề cập đến văn hoá tẩy chay như một hiện tượng thể hiện cả sức mạnh lẫn rủi ro của trách nhiệm giải trình trong môi trường số, đồng thời nhấn mạnh rằng nó cần được điều chỉnh bằng sự công bằng, thấu cảm và thích nghi với sự phát triển của công nghệ. Vì vậy, C phù hợp tóm tắt bài đọc.

→ Chọn đáp án C